

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 64/TTr-STNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ

trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này sửa đổi, bổ sung; thay thế thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, cụ thể:

1. Quyết định số 2139/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thay thế thủ tục hành chính có số thứ tự 01 và 04 tại Mục II, điểm A danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-UBND.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 01 tại Mục I điểm A; số thứ tự 02, 03, 05, 06 tại điểm A và số thứ tự 01 tại điểm B Mục II danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-UBND.

2. Bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 04 tại Mục B Phần I của Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

3. Bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 07 và 08 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1116/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

4. Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang:

- Thay thế thủ tục hành chính có số thứ tự 01 và 05 tại điểm I Mục IX Phụ lục I danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 02, 03, 04, 06, 07, 08, 09 tại điểm I và thủ tục hành chính có số thứ tự 14, 15 tại điểm II Mục IX của Phụ lục I danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành vào điểm I Mục IX Phụ lục I danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND.

5. Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và

không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính có số thứ tự 182 tại Phụ lục 1 danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành vào Phụ lục 1 danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1031/QĐ-UBND.

6. Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành vào Phụ lục 1 danh mục các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố danh mục các thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và không thực hiện tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường
(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Lệ phí, phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Cấp giấy phép môi trường	30 ngày làm việc; 15 ngày làm việc (trường hợp thuộc khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Có	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Có	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

					ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	- 20 ngày làm việc (trường hợp thuộc điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) - 30 ngày làm việc (trường hợp thuộc điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Có	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
B Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	Cấp giấy phép môi trường	30 ngày làm việc; 15 ngày làm việc (trường hợp thuộc khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	UBND cấp huyện	Có	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của

					Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày làm việc	UBND cấp huyện	Có	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	- 20 ngày làm việc <i>(trường hợp thuộc điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i> - 30 ngày làm việc <i>(trường hợp thuộc điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i>	UBND cấp huyện	Có	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
C	Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính được thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.004249.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	1.004240.000.00.00.H01	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐCP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định TTHC bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.004141.000. 00.00.H01	Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	1.004356.000. 00.00.H01	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	1.004258.000. 00.00.H01	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	1.004148.000. 00.00.H01	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	1.005741.000. 00.00.H01	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	1.004246.000. 00.00.H01	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	1.004621.000. 00.00.H01	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường

8	1.004152.000.0000.H01	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	1.004140.000.00.00.H01	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
B	Thủ tục hành chính cấp huyện				
1	1.004138.000.00.00.H01	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	Môi trường	UBND cấp huyện